

Bản án số: 35/2020/DS-ST.

Ngày: 17-9-2020.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các hội thẩm nhân dân: ông Phan Sỹ Phác và ông Nguyễn Duy Chấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Trần Kim Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa:*** ông Phạm Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T; Địa chỉ: Số 266-268 K, phường 08, quận T, thành phố M.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Trưởng phòng Giao dịch Ngân hàng TMCP T, chi nhánh N, phòng giao dịch C. (Theo văn bản ủy quyền số 31/2020/GUQ-Đno- Đăk N ngày 09/01/2020). Địa chỉ: Lô D1 Khu Công Nghiệp T, xã T, huyện C, tỉnh N – Có mặt.

- Bị đơn: ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: thôn L, xã G, huyện M, tỉnh N – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2020 và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Đình L trình bày: Vào ngày 09/11/2018 giữa Ngân hàng TMCP T chi nhánh N, phòng giao dịch C với ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T có ký 02 hợp đồng tín dụng:

1. Hợp đồng tín dụng số LD1831200725 ngày 09/11/2018 vay số tiền 200.000.000 đồng, theo giấy nhận nợ số LD1833300379 ngày 29/11/2018. Thời hạn vay là 12 tháng, hạn trả nợ là ngày 29/11/2019. Lãi suất cho vay 01 năm đầu tiên là

11,5%/năm (tháng đầu tiên 0,959%/01 tháng); tháng thứ 02 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Ngân hàng điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng, lãi cuối kỳ VNĐ + biên độ 4,6%/năm và được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần phù hợp với quy định của ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay; lãi phạt chậm trả vốn 150% lãi suất hợp đồng tín dụng; Phạt chậm trả lãi là 10%/năm.

2. Hợp đồng tín dụng số LD1831200726 ngày 09/11/2018 vay số tiền 400.000.000 đồng, theo giấy nhận nợ số 01/LD1831200726 ngày 04/12/2018. Lãi suất 03 tháng đầu tiên là 12,5%/năm, kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Ngân hàng điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãi cuối kỳ VNĐ + biên độ 5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần phù hợp với quy định của ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay; lãi phạt chậm trả vốn 150% lãi suất hợp đồng tín dụng; lãi phạt chậm trả lãi 10%/năm. Thời hạn vay là 60 tháng, phương thức trả nợ: Vốn lãi trả 05 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng như sau:

- Kỳ 01 (Ngày 29/11/2019) ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

- Kỳ 02 (Ngày 29/11/2020) ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

- Kỳ 03 (Ngày 29/11/2021) ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

- Kỳ 04 (Ngày 29/11/2022) ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

- Kỳ 05 (Ngày 29/11/2023) ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền gốc là 280.000.000 đồng.

Về tài sản đảm bảo: Ngân hàng TMCP T chi nhánh N, phòng giao dịch C với ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01304/2018/TCCJ ngày 09/11/2018 thỏa thuận sử dụng các tài sản gồm: Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 110, diện tích 24645m² tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh N cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số LD1831200726 và LD1831200725 ngày 09/11/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng khi đến hạn thanh toán thì ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cố tình vi phạm hợp đồng đã ký kết. Vì vậy ông, bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 30/11/2019 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Nay Ngân hàng TMCP T chi nhánh N, phòng giao dịch C yêu cầu Tòa án buộc Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 17/9/2020 là: 750.458.139 đồng; trong đó tiền lãi trọng hạn là: 133.696.685 đồng, tiền lãi quá hạn 16.761.454 đồng; cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LD1831200725 ngày 09/11/2018 vay số tiền 200.000.000 đồng, theo giấy nhận nợ số LD1833300379 ngày 29/11/2018 thì tiền

gốc là: 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 41.526.027 đồng; lãi quá hạn: 11.115.617 đồng. Tổng cộng là: 252.641.644 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LD1831200726 ngày 09/11/2018 vay số tiền 400.000.000 đồng, theo giấy nhận nợ số 01/LD1831200726 ngày 04/12/2018 thì tiền gốc là: 400.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 92.170.658 đồng; lãi quá hạn: 5.654.837 đồng. Tổng cộng là: 497.816.495 đồng.

Yêu cầu ông T, bà T phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp bị đơn không thực hiện đúng việc trả nợ thì yêu cầu Tòa án cho kê biên, phát mãi các tài sản của ông T, bà T để thu hồi nợ.

2. Bị đơn ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người được ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, bị đơn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận cho đến khi trả xong toàn bộ nợ, trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 317, 318, 322, 323, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã G, huyện Đắk M, tỉnh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk M theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng:

Ông T, bà Tvay vốn tại Ngân hàng TMCP T chi nhánh N – PGD C, địa chỉ tại Lô D1 Khu Công Nghiệp T, xã T, huyện J, tỉnh N theo 02 Hợp đồng tín dụng số: LD1831200725 và LD1831200726 ký ngày 19/8/2016, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LD1831200725 ngày 09/11/2018 vay số tiền 200.000.000 đồng, theo giấy nhận nợ số LD1833300379 ngày 29/11/2018. Thời hạn vay là 12 tháng, hạn trả nợ là ngày 29/11/2019; Mục đích sử dụng: Tiêu dùng gia đình; Lãi suất cho vay 01 năm đầu tiên là 11,5%/năm (tháng đầu tiên 0,959%/01 tháng); tháng thứ 02 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Ngân hàng điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng, lãnh lãi cuối kỳ VNĐ + biên độ 4,6%/năm và được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần phù hợp với quy định của ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay; lãi phạt chậm trả vốn 150% lãi suất hợp đồng tín dụng; Phạt chậm trả lãi là 10%/năm.

- Hợp đồng tín dụng số LD1831200726 ngày 09/11/2018 vay số tiền 400.000.000 đồng, theo giấy nhận nợ số 01/LD1831200726 ngày 04/12/2018. Lãi suất 03 tháng đầu tiên là 12,5%/năm, kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Ngân hàng điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ VNĐ + biên độ 5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần phù hợp với quy định của ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay; lãi phạt chậm trả vốn 150% lãi suất hợp đồng tín dụng; lãi phạt chậm trả lãi 10%/năm. Thời hạn vay là 60 tháng, phương thức trả nợ: Vốn lãi trả 05 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng như sau:

- Kỳ 01 (Ngày 29/11/2019) ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T phải số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

- Kỳ 02 (Ngày 29/11/2020) ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T phải số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

- Kỳ 03 (Ngày 29/11/2021) ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T phải số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

- Kỳ 04 (Ngày 29/11/2022) ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T phải số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

- Kỳ 05 (Ngày 29/11/2023) ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T phải số tiền gốc là 280.000.000 đồng.

Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà T không trả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng được ký kết giữa 02 bên, ông T, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng kể từ ngày 30/11/2019. Do đó việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà T phải thanh toán toàn bộ số nợ là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả giữa Ngân hàng và ông T, bà T theo hợp đồng tín dụng, đơn đề nghị giải ngân kiêm

khế ước nhận nợ là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tạm tính đến ngày xét xử ngày 17/9/2020, cụ thể: tiền lãi trong hạn là: 133.696.685 đồng, tiền lãi quá hạn 16.761.454 đồng. Ông T, bà T phải tiếp tục phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ kể từ ngày 18/9/2020 cho đến khi trả xong nợ.

[2.2] Đối với tài sản thế chấp:

[2.2.1] Hiệu lực của hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho các khoản vay, Ngân hàng TMCP T chi nhánh N, phòng giao dịch C với ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01304/2018/TCCJ ngày 09/11/2018 thỏa thuận sử dụng các tài sản gồm: Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 110, diện tích 24645m² tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh N cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số LD1831200726 và LD1831200725 ngày 09/11/2018. Xét thấy, Hợp đồng thế chấp được lập đúng hình thức, nội dung và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2.2] Về xử lý tài sản thế chấp:

Tại Điều 6 của các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, các bên thỏa thuận về các trường hợp Ngân hàng TMCP T chi nhánh N, phòng giao dịch C được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong đó xác định rõ “ Bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ được quy định tại hợp đồng tín dụng.....”

Như vậy, nếu ông T, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng ủy quyền, các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, các văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên.

[3] Đối với ông T, bà T mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần (đã tiến hành thông báo, niêm yết theo đúng quy định của pháp luật) nhưng không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chi toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản là: 1.800.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có căn cứ nên ông T, bà T phải chịu trách nhiệm về số tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 299, 317, 318, 318, 320, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T đối với bị đơn ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP T, chi nhánh N, phòng giao dịch C tổng số tiền tính đến ngày ngày 17/9/2020 là: 750.458.139 đồng; trong đó tiền gốc 600.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là: 133.696.685 đồng, tiền lãi quá hạn 16.761.454 đồng; cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LD1831200725 ngày 09/11/2018 vay số tiền 200.000.000 đồng, theo giấy nhận nợ số LD1833300379 ngày 29/11/2018 thì tiền gốc là: 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 41.526.027 đồng; lãi quá hạn: 11.115.617 đồng. Tổng cộng là: 252.641.644 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LD1831200726 ngày 09/11/2018 vay số tiền 400.000.000 đồng, theo giấy nhận nợ số 01/LD1831200726 ngày 04/12/2018 thì tiền gốc là: 400.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 92.170.658 đồng; lãi quá hạn: 5.654.837 đồng. Tổng cộng là: 497.816.495 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/9/2020) ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi trả xong nợ.

2. Trường hợp ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp gồm đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 110, có diện tích 24645m² tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh N, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO994116 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 17/8/2018.

3. Về án phí: ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T phải nộp: 34.018.000đ (*Ba mươi tư triệu không trăm mười tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.620.000 đồng (*Mười sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0001964 ngày 19/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

4. Về chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản: căn cứ Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự: ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị T phải chịu chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản là 1.800.000đ (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nô;
- VKSND huyện M;
- THADS huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Thắng